TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU
Số 36/2021/HNGĐ-ST
Ngày 14-7-2021
V/v Yêu cầu ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ-RỊA VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Thuận.
Ông Nguyễn Văn Hùng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Tùng Lâm, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 53/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021 về việc "*Yêu cầu ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐXX-ST ngày 21 tháng 5 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021 giữa:

* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1986, vắng mặt.
Địa chỉ: 9 ô 5/13 khu phố H, thị trấn P, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.
* *Bị đơn:* Ông Trần Ngọc B, sinh năm 1978, vắng mặt.
Địa chỉ: 4 ô 2/12 khu phố P, thị trấn P, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/3/2021, bản khai tiếp theo, biên bản hòa hòa giải nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà L với ông B chung sống như vợ chồng vào năm 2015 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn, giấy đăng ký kết hôn số 286 ngày 14/11/2015 do ủy ban nhân dân thị trấn P cấp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại khu phố H thị trấn P, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vào đầu năm 2016, nguyên nhân do ông B sử dụng ma túy không quan tâm vợ con, vô trách nhiệm với gia đình, ngược đãi, bạo hành bà L, mâu thuẫn đến mức trầm trọng không thể sống chung nên bà L bỏ trốn ra ngoài sống và làm đơn ly hôn.

Về con chung có một người tên Trần Ngọc N, sinh ngày 15/11/2015 tình trạng sức khỏe B thường hiện đang sống cùng bà L.

Về tài sản chung, nợ chung không có.

Nay, bà L yêu cầu được ly hôn với ông B; Về con chung yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung không có không yêu cầu giải quyết.

**** Tại bản khai, biên bản hòa giải ông Trần Ngọc B trình bày:***

Ông B thống nhất lời trình bày của bà L về thời gian, điều kiện kết hôn, cũng như tình trạng hôn nhân. Ông B thừa nhận lý do mâu thuẫn như bà L trình bày, trong thời gian sống chung ông B có những hành vi sai trái với bà L. Nhưng theo ông B mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, ông B xin bà L cho cơ hội để ông sửa đổi đoàn tụ gia đình, ông B vẫn còn thương vợ, con nên không chấp nhận ly hôn.

* Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đối với đương sự bị đơn chưa chấp hành, không đến tham dự phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào tại liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, lời trình bày của đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân và nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, nghe ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng***:** Bà L yêu cầu ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ông B có nơi cư trú tại huyện Đất Đỏ, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông B được trệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không lý do; Bà L có đơn xin xét xử vắng mặt nên đủ căn cứ xét xử vắng mặt đương sự tại điều 227, 228 Bộ luậ Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân giữa bà L với ông B là hôn nhân hợp pháp, trong thời gian sống chung giữa bà L với ông B xảy ra mâu thuẫn, theo bà L là do ông B sử dụng ma túy có những hành vi bạo lực, ngược đải bà L. Tại bản khai, biên bản hòa giải ông B thừa nhận nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn gia đình là lỗi của ông B, ông B xin cơ hội sửa đổi để đoàn tụ gia đình, bà L kiên quyết ly hôn. Như vậy, nguyên nhân xảy ra mâu thuẩn gia đình để dẫn đến bà L yêu cầu giải quyết ly hôn là do ông B có hành vi bạo lực gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, ông B không chấp nhận ly hôn, nhưng đây là căn cứ để HĐXX chấp nhận yêu cầu ly của bà L theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình..

[3] *Về nuôi con chung*: Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Theo bà L trong thời gian sống chung, cũng như từ ngày sống ly thân đến nay con chung do bà L nuôi dưỡng. Ông B không quan tâm chăm sóc cũng như phụ bà L lo chi phí sinh hoạt của con chung, bà L có đủ điều kiện nuôi con chung nên chấp nhận yêu cầu của bà L, tạm thời bà L không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết

[5] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nên bà L phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình.

[6]- *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc L, bà L được ly hôn với ông Trần Ngọc B.

2.Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Ngọc N, sinh ngày 15/11/2015 bà L không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn bà L, ông B đều có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, ông B có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con chung, trong trường hợp cần thiết theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu người không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con.

3.Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4.Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

5.Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc L phải phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004689 ngày 04/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ, ông B không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 (7a, 7b) và 9 Luật thi hành

án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được cấp tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND H.Đất Đỏ;
- Các đương sự;
- CCTHADS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN VĂN TIẾN